

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA HANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HS-ST
Ngày 10- 5- 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Ngọc Thúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quan Văn Ngụ.
2. Bà Nông Thị Sinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Tòa án nhân dân huyện Na Hang tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 12/2023/TLST-HS, ngày 10 tháng 4 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HS ngày 14/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/HSST- QĐ ngày 26/4/2023 đối với bị cáo:

Vi Văn T, sinh ngày 25/01/1996; nơi sinh: huyện N, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn K, xã K, huyện N tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lái xe tải; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vi Văn T và bà Vi Thị D; Có vợ: Nông Hương G(Đã ly hôn) và 01 con; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo hiện đang tại ngoại áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Nông Hương G, sinh năm 2001; Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Hà Minh P- Luật sư văn phòng Luật sư Minh Phúc, Đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang (Bào chữa theo diện trợ giúp pháp lý) Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2016, Vi Văn T, sinh ngày 25/01/1996, trú tại thôn K, xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang và Nông Hương G, sinh ngày 11/12/2001, trú tại Thôn T, xã K, huyện N quen biết nhau trong một lần đi tập văn nghệ cho xã Khâu Tinh, sau đó cả hai yêu nhau. Thời điểm này G đang là học sinh lớp 9 của trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở K, xã K, huyện N. Đến khoảng tháng 09/2016, G đi học lớp 10 tại trường Trung học phổ thông Yên Hoa, xã Yên Hoa, huyện Na Hang và ở trọ tại nhà ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1958, trú tại thôn B, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (*G là cháu gái bên vợ của ông L*) còn T đi học nghề sửa ô tô tại trường Cao đẳng kỹ nghệ Tuyên Quang, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vào một buổi tối cuối tuần trong tháng 10/2016, (*lúc này G đang trong độ tuổi từ 14 tuổi 09 tháng 20 ngày đến 14 tuổi 10 tháng 20 ngày, còn T đã trên 18 tuổi*), khi trên đường về nhà tại thôn Khau Tinh, T rẽ vào nhà trọ của ông L để thăm G. Tại nhà trọ của ông L, T và G đã thuận tình quan hệ tình dục với nhau lần đầu tiên, khi này G còn trinh, chưa quan hệ tình dục với ai từ trước. Quá trình quan hệ tình dục lần đầu với G, T có sử dụng bao cao su. Sau đó G và T quan hệ tình dục với nhau nhiều lần, tại nhiều địa điểm khác nhau, chủ yếu tại nhà trọ của ông L và những vị trí vắng người thuộc địa bàn huyện Na Hang. Đến buổi tối một ngày đầu tháng 01/2017 T giao cấu với G tại nhà trọ của ông Nguyễn Ngọc L dẫn đến ngày 20/01/2017 (± 07 ngày) G mang thai con chung với T, lúc này G được 15 tuổi 01 tháng 09 ngày (± 07 ngày). Đến tháng 02/2017, G phát hiện có thai nên T về nhà xin phép bố mẹ là ông Vi Văn Thời, sinh năm 1973 và bà Vi Thị Duyên, sinh năm 1971 (cùng trú tại Thôn K, xã K, huyện N) đến nhà G, xin phép bố G là ông Nông Văn T1, sinh năm 1975, trú tại Thôn T, xã K, huyện Na Hang làm lễ ăn hỏi, đón G về chung sống như vợ chồng với T tại Thôn K, xã K, huyện N. Ông Thời và ông T1 là những người đứng ra tổ chức lễ ăn hỏi cho T và G. Đến ngày 27/10/2017, tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, Nông Hương G sinh một con gái là cháu Nông Ngọc B (*thời điểm này G 15 tuổi 10 tháng 16 ngày*). Khi đi khai sinh cho con, do Vi Văn T và Nông Hương G chưa đăng ký kết hôn nên phần tên người cha trong giấy khai sinh được bỏ trống, cháu B được khai sinh theo họ mẹ. Đến ngày 16/4/2020, G và T đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện N. Từ ngày 23/6/2020, cháu Nông Ngọc B đổi tên thành Vi Ngọc B. Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên đến ngày 20/5/2022, Nông Hương G đã nộp Đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với Vi Văn T tại Tòa án nhân dân huyện Na Hang. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 14/2022/QĐCNTTLH ngày 15/6/2022, Tòa án nhân dân huyện Na Hang đã quyết định công nhận Nông Hương G và Vi Văn T thuận tình ly hôn, G và Vi Văn T tự nguyện thỏa thuận sau khi ly hôn Vi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nông Ngọc B (Vi Ngọc B), G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình giải quyết vụ án xét thấy có dấu hiệu của tội “*Giao cấu với trẻ em*” quy định tại khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) ngày 17/7/2022, Tòa án nhân dân huyện Na Hang đã ban hành văn bản

kiến nghị khởi tố gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Na Hang để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Kết luận giám định pháp y về ADN số 410 ngày 12/9/2022 của Viện pháp y quốc gia kết luận: Vi Văn T có quan hệ huyết thống cha – con với cháu Vi Ngọc B, độ tin cậy 99,9999%

Tại Kết luận giám định pháp y về ADN số 123 ngày 13/02/2023 của Viện pháp y Quốc gia: Nông Hương G có quan hệ huyết thống mẹ – con với cháu Vi Ngọc B, độ tin cậy 99,9999%

Tại Kết luận giám định pháp y độ tuổi số 15 ngày 06/10/2022 của Viện pháp y Quốc gia đối với Nông Hương G, kết luận: Qua kết quả khám lâm sàng, sự phát triển thể chất của cơ thể, sự mọc răng và dấu hiệu cốt hóa các đầu xương qua phim chụp x-quang, xác định Nông Hương G có độ tuổi từ đủ 18 tuổi trở lên (tại thời điểm giám định ngày 22/9/2022).

Tại Kết luận giám định pháp y độ tuổi số 7869 ngày 30/11/2022 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an đối với Nông Hương G, kết luận: Căn cứ mức độ phát triển thể chất, sự phát triển và cốt hóa của các xương, khám chuyên khoa, các xét nghiệm và sự phát triển của răng, xác định độ tuổi của Nông Hương G tại thời điểm giám định (ngày 17/11/2022) là từ 20 đến 22 năm.

Tài liệu tạm giữ: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Na Hang đã tạm giữ của ông Nông Văn T1 (bố đẻ của Nông Hương G) 01 sổ hộ khẩu số 610200812, họ và tên chủ hộ là Nông Văn T1 (bản gốc), tài liệu này đang được bảo quản theo hồ sơ vụ án;

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại và bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Vi Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh tại các kết luận giám định; bệnh án sản khoa, bản ảnh chụp học bạ tiểu học, giấy khai sinh (bản sao) của Nông Hương G và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số: 12/CT-VKSNH ngày 10/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang truy tố bị cáo Vi Văn T về tội “*Giao cấu với trẻ em*” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Kết thúc phần xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Vi Văn T phạm tội “*Giao cấu với trẻ em*”.

Về hình phạt: Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Vi Văn T từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Ngoài ra đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa: Bị cáo Vi Văn T vi phạm chủ yếu là do thiếu hiểu biết về pháp luật; tuổi trẻ nông nổi, bồng bột; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Thật thà khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại; bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật hạn chế; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử cho ra bản án đúng quy định của pháp luật và thể hiện được tính nhân văn, vì hiện nay bị cáo là người trực tiếp nuôi con, con của bị cáo sắp đến tuổi đi học, ảnh hưởng đến tâm sinh lý, rất cần được sự có mặt của bố mẹ. Đề nghị áp dụng Điểm a, d Khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt Vi Văn T mức án thấp nhất trong phạm vi đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát để bị cáo có điều kiện lao động sản xuất, nuôi dưỡng và chăm sóc con nhỏ mới 5 tuổi chuẩn bị đi học lớp 1 cần có bố mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bị hại là vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo đang phải nuôi con nhỏ, bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về xem xét hành vi của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các kết luận giám định; bệnh án sản khoa, bản ảnh chụp học bạ tiểu học, giấy khai sinh (bản sao) của Nông Hương G và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2016 đến tháng 01/2017, tại nhà trọ của ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1958, trú tại thôn Bản Chợ, xã Yên Hoa, huyện N, tỉnh Tuyên Quang, Vi Văn T, sinh năm 1996, trú tại Thôn K, xã K, huyện N, là người đã thành niên đã nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với Nông Hương G, sinh ngày 11/12/2001 (khi G chưa đủ 16 tuổi), cụ thể:

- Lần 01: Vào một buổi tối cuối tuần trong tháng 10/2016 (*không nhớ rõ ngày cụ thể*), tại nhà trọ của ông L, T và G đã thuận tình quan hệ tình dục với nhau lần đầu tiên, khi này G còn trinh, chưa quan hệ tình dục với ai từ trước. Quá trình quan hệ tình dục lần đầu với G, T có sử dụng bao cao su.

- Lần 02: Vào buổi tối một ngày đầu tháng 01/2017 (*không nhớ rõ ngày cụ thể*), tại nhà trọ của ông L, T và G tiếp tục thuận tình quan hệ tình dục với nhau dẫn đến ngày 20/01/2017 ($\pm$ 07 ngày) G mang thai con chung với T. Đến ngày 27/10/2017, Nông Hương G sinh cháu Nông Ngọc B (Vi Ngọc B) tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang.

Trong vụ án này thời điểm phạm tội bị cáo đã thành niên (đủ 18 tuổi) mà giao cấu với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, việc phạm tội được thực hiện 02 lần dẫn đến việc bị hại có thai và sinh con nên hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội: Giao cấu với trẻ em, thuộc trường hợp quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009). Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến sức khỏe tình dục, danh dự, nhân phẩm của trẻ em, làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về thể chất, tâm sinh lý của trẻ em trong độ tuổi từ 13 đến dưới 16 tuổi. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi giao cấu, dẫn đến bị hại có thai và đã sinh vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình gây ra.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Người phạm tội tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả”; “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; bị cáo là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn” “bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo”. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả về tinh thần cho bị hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; bị cáo được chính quyền địa phương xác nhận có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính của gia đình và bảo lãnh cải tạo tại địa phương; bị cáo là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có nhân thân tốt. Do đó đủ điều kiện áp dụng điều 54 Bộ luật hình sự xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo. Xử phạt bị cáo mức hình phạt như ý kiến của Luật sư bào chữa và đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp, có căn cứ.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại xác định bị cáo đã bồi thường và không có yêu cầu gì, nên không xem xét.

[6]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[7]. Về các vấn đề khác:

Đối với ông Vi Văn Thời và ông Nông Văn T1 là những người biết việc Vi Văn T giao cấu với Nông Hương G khi G chưa đủ 16 tuổi. Tuy nhiên căn cứ theo các Điều 148, 313, 314 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009), hành vi của những người nêu trên đều không cấu thành tội Tổ chức tảo hôn, tội che dấu tội phạm và không tố giác tội phạm và đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên không đề cập, xem xét xử lý.

Đối với ông Nguyễn Ngọc L là chủ nhà nơi G ở trọ học, quá trình sinh sống G ở một mình một phòng, ông L không biết G và T phát sinh quan hệ tình dục từ khi nào nên không đề cập xử lý.

Quá trình điều tra Vi Văn T và Nông Hương G còn khai nhận có nhiều lần khác quan hệ tình dục với nhau tại phòng trọ nhà ông L và những vị trí vắng người trên địa bàn huyện Na Hang, tuy nhiên G và T không nhớ được thời gian, địa điểm cụ thể nên không đề cập xử lý.

Đối với (01) Sổ hộ khẩu (Bản chính) Cơ quan điều tra tạm giữ của gia đình chủ hộ Nông Văn T1 được lưu giữ trong hồ sơ vụ án, ông Nông Văn T1 đề nghị trả lại cho gia đình ông. Tòa án đã tiến hành trả lại sổ hộ khẩu cho ông Nông Văn T1 được thể hiện tại biên bản giao nhận ngày 10/5/2023.

[8]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vi Văn T phạm tội Giao cấu với trẻ em.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); Điều 38; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo **Vi Văn T 01 năm 09 tháng tù**. Hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Vi Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng HSNV CA tỉnh Tuyên Quang;
- Sở tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Công an huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- Trại giam;
- UBND xã Khâu Tinh;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Ngọc Thức

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quan Văn Ngụ

Nông Thị Sinh

Triệu Ngọc Thúc

